

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc
của Công ty mẹ - Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ-BGTVT ngày 27/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 593/QĐ-BGTVT ngày 12/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam;

Căn cứ Nghị định số 60/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết khoản 3 điều 63 của Bộ luật Lao động về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc;

Sau khi thống nhất với Ban Chấp hành Công đoàn Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam;

Xét đề nghị của Trường phòng TCLĐ-TL Tổng công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc của Công ty mẹ - Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Các quy chế trước đây trái với quy chế này đều bãi bỏ;
- Trong quá trình thực hiện, Quy chế này sẽ được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu thực tế.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trường các Phòng, Ban, Trạm, Tạp chí Biên, Chi nhánh Tổng công ty và Giám đốc các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.//

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐTV Tổng công ty;
- Lãnh đạo Tổng công ty;
- BCĐ QCCD Tổng công ty;
- ĐU, CĐ, ĐTN Tổng công ty;
- Lưu: VT, P.TCLĐ-TL.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Quốc Sứy

QUY CHẾ

Dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc
của Công ty mẹ - Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 483/QĐ-TCTBĐATHHMN ngày 26/3/2014
của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Tạo điều kiện để người lao động được biết, được tham gia ý kiến, được quyết định và giám sát những vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động.

2. Nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý đối với người lao động; tạo điều kiện để các tổ chức đoàn thể hoạt động theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện quyền dân chủ cho người lao động.

3. Thiết lập mối quan hệ lao động hài hoà, ổn định, góp phần ngăn ngừa và hạn chế tranh chấp lao động trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc

1. Thực hiện dân chủ ở cơ sở phải đi đôi với nâng cao hiệu quả quản lý, thực hiện phân công, phân cấp cụ thể, tạo thuận lợi cho hoạt động quản lý của Tổng giám đốc, nâng cao trình độ hiểu biết luật pháp, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trước pháp luật và nghiêm chỉnh chấp hành các Nội quy, Quy chế của Tổng công ty.

2. Tổng giám đốc và người lao động trong Tổng công ty có nghĩa vụ phải thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng hợp đồng lao động, thoả ước lao động đã ký kết, chấp hành đúng các Nội quy, Quy chế; thực hiện đầy đủ quyền dân chủ, giữ gìn kỷ luật, đấu tranh các biểu hiện tham nhũng, lợi dụng dân chủ gây mất đoàn kết nội bộ; tất cả đều nỗ lực vì sự phát triển của Tổng công ty.

3. Tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức Đảng đối với toàn thể người lao động trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm phát triển Tổng công ty hoạt động ngày càng có hiệu quả và xây dựng Đảng ngày càng vững mạnh.

Điều 3. Những hành vi cấm khi thực hiện dân chủ tại nơi làm việc

1. Thực hiện trái các quy định của pháp luật.
2. Xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước.



3. Xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động và người lao động.

4. Trù dập, phân biệt đối xử với người tham gia đối thoại, người khiếu nại, tố cáo.

Chương II **NỘI DUNG QUY CHẾ DÂN CHỦ**

Điều 4. Nội dung Ban lãnh đạo Tổng công ty phải công khai

1. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty.

2. Nội quy, quy chế, quy định của Tổng công ty, bao gồm: nội quy lao động; quy chế tuyển dụng, sử dụng lao động; định mức lao động; thang, bảng lương, quy chế nâng bậc lương, quy chế trả lương, trả thưởng; trang bị bảo hộ lao động, quy trình vận hành máy, thiết bị, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ; bảo vệ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ; thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

3. Tình hình thực hiện các chế độ, chính sách tuyển dụng, sử dụng lao động, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề, tiền lương, tiền thưởng, khấu trừ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế cho người lao động.

4. Thỏa ước lao động tập thể.

5. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, các quỹ do người lao động đóng góp.

6. Trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

7. Công khai tài chính hàng năm của Tổng công ty về các nội dung liên quan đến người lao động.

8. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

9. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nội dung người lao động tham gia ý kiến

1. Xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế, quy định phải công khai tại Tổng công ty.

2. Các giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

3. Xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể của Công ty mẹ - Tổng công ty.

4. Nghị quyết hội nghị người lao động.

5. Quy trình, thủ tục giải quyết tranh chấp lao động, xử lý kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất.

6. Các nội dung khác liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nội dung người lao động quyết định

1. Giao kết hợp đồng lao động, thực hiện hợp đồng lao động, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.
2. Nội dung thương lượng thỏa ước lao động tập thể của Công ty mẹ - Tổng công ty.
3. Thông qua nghị quyết hội nghị người lao động.
4. Gia nhập hoặc không gia nhập tổ chức công đoàn, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật.
5. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nội dung người lao động kiểm tra, giám sát

1. Thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty.
2. Thực hiện hợp đồng lao động và các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật.
3. Thực hiện các nội quy, quy chế, quy định phải công khai của Tổng công ty.
4. Thực hiện thỏa ước lao động tập thể; thực hiện nghị quyết hội nghị người lao động.
5. Trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, các quỹ do người lao động đóng góp; trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.
6. Tình hình thi đua, khen thưởng, kỷ luật; khiếu nại, tố cáo và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo; kết luận của thanh tra, kiểm toán và thực hiện các kiến nghị của thanh tra, kiểm toán liên quan đến quyền và lợi ích của người lao động.
7. Thực hiện điều lệ Tổng công ty và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

HÌNH THỨC THỰC HIỆN DÂN CHỦ TẠI NƠI LÀM VIỆC

Mục 1

ĐỐI THOẠI TẠI NƠI LÀM VIỆC

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc

1. Đối thoại định kỳ tại nơi làm việc do Ban lãnh đạo Tổng công ty chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành công đoàn Tổng công ty thực hiện 03 tháng một lần để trao đổi, thảo luận các nội dung sau:
 - Tình hình sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty;
 - Việc thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy, quy chế và cam kết, thỏa thuận khác tại nơi làm việc;
 - Điều kiện làm việc;
 - Yêu cầu của người lao động, tập thể lao động đối với Tổng công ty;
 - Yêu cầu của Tổng công ty đối với người lao động, tập thể lao động;



- Nội dung khác mà hai bên quan tâm.
- 2. Ban lãnh đạo Tổng công ty có trách nhiệm:
 - Ban hành quy chế đối thoại định kỳ tại nơi làm việc sau khi tham khảo ý kiến của BCH công đoàn Tổng công ty và phổ biến công khai đến từng người lao động trong Tổng công ty để thực hiện;
 - Bố trí địa điểm, thời gian và các điều kiện vật chất cần thiết khác bảo đảm cho đối thoại;
 - Cử thành viên đại diện Ban lãnh đạo Tổng công ty tham gia đối thoại;
 - Tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc.
- 3. BCH công đoàn Tổng công ty có trách nhiệm:
 - Tham gia ý kiến vào quy chế đối thoại định kỳ tại nơi làm việc theo yêu cầu của Ban lãnh đạo Tổng công ty;
 - Tổ chức bầu các thành viên đại diện cho người lao động tham gia đối thoại tại hội nghị người lao động;
 - Phối hợp với Ban lãnh đạo Tổng công ty tổ chức thực hiện đối thoại định kỳ tại nơi làm việc.

Mục 2

HỘI NGHỊ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 9. Trách nhiệm tổ chức hội nghị người lao động

1. Ban lãnh đạo Tổng công ty có trách nhiệm xây dựng quy chế tổ chức hội nghị người lao động, bố trí địa điểm, thời gian, các điều kiện vật chất cần thiết và tổ chức hội nghị người lao động. Quy chế tổ chức hội nghị người lao động được ban hành sau khi tham khảo ý kiến của Ban chấp hành công đoàn và được phổ biến công khai đến người lao động trong Công ty mẹ - Tổng công ty.

2. Ban Chấp hành công đoàn có trách nhiệm phối hợp với Ban lãnh đạo Tổng công ty tham gia xây dựng và thực hiện quy chế tổ chức hội nghị người lao động.

Điều 10. Phổ biến, triển khai, giám sát thực hiện nghị quyết hội nghị người lao động

1. Ban lãnh đạo Tổng công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành công đoàn phổ biến kết quả hội nghị người lao động đến toàn thể người lao động và tổ chức triển khai nghị quyết hội nghị người lao động trong Công ty mẹ - Tổng công ty.

2. Ban chấp hành công đoàn có trách nhiệm phối hợp với Ban lãnh đạo Tổng công ty phổ biến kết quả hội nghị người lao động đến toàn thể người lao động trong Tổng công ty; tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nghị quyết hội nghị người lao động trong đơn vị.

3. Đại biểu tham dự hội nghị người lao động có trách nhiệm phổ biến kết quả và nghị quyết hội nghị người lao động đến những người lao động không tham dự

hội nghị người lao động ở các đơn vị, phòng ban, phân xưởng, tổ, đội sản xuất nơi bầu mình làm đại diện tham dự hội nghị người lao động.

Mục 3

CÁC HÌNH THỨC THỰC HIỆN DÂN CHỦ KHÁC

Điều 11. Các hình thức thực hiện dân chủ khác

1. Cung cấp và trao đổi thông tin tại các cuộc họp lãnh đạo chủ chốt hoặc tại các cuộc họp từ tổ, đội đến toàn Tổng công ty hoặc tại các cuộc họp chuyên môn của các phòng, ban, phân xưởng, tổ, đội sản xuất.
2. Niêm yết công khai ở những địa điểm thuận lợi tại Tổng công ty và đơn vị.
3. Cung cấp thông tin qua hệ thống thông tin nội bộ, mạng internet, bằng văn bản, ấn phẩm Tạp chí biên gửi đến từng người lao động, phòng, ban, phân xưởng, tổ, đội sản xuất.
4. Hòm thư góp ý kiến.
5. Tổ chức lấy ý kiến trực tiếp người lao động, do Ban lãnh đạo Tổng công ty, Ban Chấp hành công đoàn Tổng công ty thực hiện.
6. Tự quyết định bằng văn bản.
7. Biểu quyết tại các cuộc họp, hội nghị trong Tổng công ty.
8. Kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, Quy chế này sẽ được bổ sung hoàn thiện cho phù hợp với yêu cầu thực tế.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty trong phạm vi quyền hạn của mình chịu trách nhiệm phối hợp với tổ chức công đoàn cụ thể hoá các quy định của quy chế phù hợp với đặc điểm, điều kiện của đơn vị; thực hiện tốt các hình thức công khai, dân chủ ở cơ sở.

2. Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng, Ban, Trạm, Tạp chí Biên, Chi nhánh Tổng công ty và Giám đốc các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam chịu trách nhiệm thi hành. / .

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Quốc Sứ